

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn việc trao đổi, cung cấp thông tin về tài sản bảo đảm giữa
cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm với tổ chức hành nghề công chứng,
cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan đăng ký quyền sở hữu,
quyền sử dụng, quyền lưu hành tài sản**

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn việc trao đổi, cung cấp thông tin về tài sản bảo đảm giữa cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm với tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền lưu hành tài sản như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc trao đổi, cung cấp thông tin về tài sản bảo đảm (sau đây gọi là trao đổi, cung cấp thông tin) giữa cơ quan đăng ký giao dịch

bảo đảm với tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền lưu hành tài sản, trừ các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản).

2. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất).

3. Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký tàu bay, tàu biển).

4. Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Cơ quan thi hành án dân sự).

5. Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có chức năng đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Sở Giao thông vận tải có chức năng đăng ký phương tiện thủy nội địa; Cục Đường sắt Việt Nam thực hiện đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền lưu hành tài sản).

6. Tổ chức hành nghề công chứng, Văn phòng thừa phát lại.

Điều 3. Nguyên tắc trao đổi, cung cấp thông tin

1. Thông tin được trao đổi, cung cấp phải kịp thời, chính xác, đầy đủ và được sử dụng đúng mục đích, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các bên.

2. Việc trao đổi, cung cấp, quản lý và sử dụng thông tin phải được thực hiện đúng thời hạn, thủ tục quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Thông tin giữa Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Cơ quan đăng ký tàu bay, tàu biển, Cơ quan thi hành án dân sự và Cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền lưu hành tài sản được trao đổi, cung cấp miễn phí và chỉ được sử dụng vào mục đích phục vụ công tác chuyên môn, mà không được cung cấp cho bên thứ ba dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 4. Hình thức trao đổi, cung cấp thông tin

1. Việc trao đổi, cung cấp thông tin được thể hiện bằng hình thức văn bản hoặc dữ liệu điện tử, trừ trường hợp tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện thủy nội địa, phương tiện giao thông đường sắt thì được gửi đến Cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền lưu hành tài sản bằng hình thức văn bản đồng thời với dữ liệu điện tử.

2. Việc trao đổi thông tin bằng dữ liệu điện tử được thực hiện sau khi có văn bản thông báo địa chỉ thư điện tử chính thức của bộ phận làm đầu mỗi trao đổi, tiếp nhận thông tin. Văn bản trao đổi thông tin bằng dữ liệu điện tử có chữ ký và con dấu của cơ quan trao đổi thông tin, áp dụng tiêu chuẩn định dạng Portable Document Format (PDF).

Điều 5. Phương thức trao đổi, cung cấp thông tin

Thông tin về tài sản bảo đảm được gửi theo một trong các phương thức sau đây:

1. Gửi trực tiếp;
2. Gửi qua đường bưu điện;
3. Gửi qua fax hoặc qua thư điện tử;
4. Gửi qua hệ thống trực tuyến.

Điều 6. Phạm vi thông tin được trao đổi, cung cấp

1. Thông tin về tài sản bảo đảm do Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản trao đổi, cung cấp theo quy định của Thông tư này gồm:

1.1. Thông tin về bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm:

a) Đối với cá nhân: Tên, địa chỉ, số giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của cá nhân (Chứng minh nhân dân đối với công dân Việt Nam; hộ chiếu đối với người nước ngoài; thẻ thường trú đối với người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam);

b) Đối với tổ chức: Tên, địa chỉ, mã số thuế do cơ quan thuế cấp đối với doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam có đăng ký kinh doanh (đăng ký doanh nghiệp) và nhà đầu tư nước ngoài; tên được đăng ký tại cơ quan nước ngoài có thẩm quyền hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh trong trường hợp tên đăng ký của tổ chức không viết bằng chữ Latinh đối với tổ chức được thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài.

1.2. Thông tin về phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện thủy nội địa, phương tiện giao thông đường sắt:

a) Số khung; số máy, biển số xe (nếu có) đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

b) Tên phương tiện; số đăng ký, năm và nơi đóng tàu, chiều dài, chiều rộng, chiều cao mạn, trọng tải toàn phần, công suất máy chính (nếu có) đối với phương tiện thủy nội địa;

c) Tên phương tiện; số đăng ký, số động cơ, kiểu loại động cơ (nếu có) đối với phương tiện là đầu máy và các phương tiện động lực chuyên dùng; số đăng ký đối với phương tiện là toa xe, toa xe gòong (nếu có).

1.3. Thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm.

2. Thông tin về tài sản bảo đảm do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trao đổi, cung cấp theo quy định của Thông tư này gồm:

2.1. Thông tin về bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm:

a) Đối với cá nhân: Tên, địa chỉ, số giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của cá nhân (Chứng minh nhân dân đối với công dân Việt Nam; hộ chiếu đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân nước ngoài);

b) Đối với tổ chức: Tên, địa chỉ, số giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy phép đầu tư).

2.2. Thông tin về tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất:

a) Số thửa đất; số tờ bản đồ; địa chỉ thửa đất; diện tích đất;

b) Số phát hành, số vào sổ cấp giấy, cơ quan cấp, ngày cấp một trong các loại Giấy chứng nhận sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai năm 1987, Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở được cấp theo Luật Nhà ở năm 2005; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định của Nghị định số 60/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng được cấp theo Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009 và Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất).

2.3. Thông tin về tài sản bảo đảm là nhà ở, công trình xây dựng khác, vườn cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng (sau đây gọi là tài sản gắn liền với đất):

- a) Số thửa đất nơi có tài sản gắn liền với đất; số tờ bản đồ;
- b) Tên loại tài sản gắn liền với đất, địa chỉ tài sản; diện tích xây dựng và diện tích sử dụng đối với tài sản là nhà ở, công trình xây dựng khác; diện tích vườn cây lâu năm; diện tích rừng;
- c) Số phát hành, số vào sổ cấp giấy, cơ quan cấp, ngày cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

2.4. Thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm.

3. Thông tin về tài sản bảo đảm do Cơ quan đăng ký tàu bay, tàu biển trao đổi, cung cấp theo quy định của Thông tư này bao gồm:

3.1. Thông tin về bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm:

- a) Đối với cá nhân: Tên, địa chỉ, quốc tịch, số giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của cá nhân (Chứng minh nhân dân đối với công dân Việt Nam; hộ chiếu đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân nước ngoài; thẻ thường trú đối với người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam);
- b) Đối với tổ chức: Tên, địa chỉ, quốc tịch, số giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy phép đầu tư đối với tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc nhà đầu tư nước ngoài; tên được đăng ký tại cơ quan nước ngoài có thẩm quyền hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh trong trường hợp tên đăng ký của tổ chức không viết bằng chữ Latinh đối với tổ chức được thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài).

3.2. Thông tin về tài sản bảo đảm là tàu bay:

- a) Số hiệu đăng ký;
- b) Loại tàu bay; kiểu tàu bay;
- c) Nhà sản xuất; số xuất xưởng tàu bay; năm xuất xưởng;
- d) Kiểu loại động cơ;
- đ) Thời điểm hình thành.

3.3. Thông tin về tài sản bảo đảm là tàu biển:

- a) Tên tàu; hô hiệu; loại tàu;
- b) Chủ tàu;
- c) Năm và nơi đóng tàu;
- d) Chiều dài, rộng; trọng tải toàn phần; tổng dung tích.